TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22 tháng 4 năm 2022
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Anh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Vinh

2. Bà Trịnh Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại phòng xử án, Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 399/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXX- ST ngày 23 tháng 3 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị T, sinh năm: 1977.

Trú tại: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1969.

Trú tại: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Mai Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị T và ông Nguyễn Văn Đ đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 28/7/1998. Sau khi về chung sống thì vợ chồng hạnh phúc được một thời gian,

cho đến đầu năm 2010 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do bất đồng quan điểm sống, ông Nguyễn Văn Đ không quan tâm đến gia đình con cái, mâu thuẫn kinh tế, vợ chồng không có tiếng nói chung, hay chửi bới xúc phạm nhau. Hiện nay, cả hai không còn tình cảm yêu thương và chăm sóc nhau nữa, vợ chồng đã ly thân ai biết bổn phận người nấy.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nguyện vọng của bà Mai Thị T xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà T và ông Đ có hai con chung là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 01/02/2002 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 17/03/1999 hiện tại các cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Mai Thị T đến với nhau trên cở sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì, đôi khi nóng tính có nói vợ vài câu xúc phạm vợ, nhưng nói rồi thôi. Nay vợ tôi làm đơn xin ly hôn thì tôi không đồng ý xin được đoàn tụ vì còn con cái, gia đình.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà T và ông Đ có hai con chung là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 01/02/2002 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 17/03/1999 hiện tại các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

-Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX cho bà Mai Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Các cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 01/02/2002 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 17/03/1999, hiện nay đã trưởng thành, các cháu tự quyết định cuộc sống riêng của mình, đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Mai Thị T và ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu, đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Mai Thị T đề ngày 13/12/2021, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật *"Ly hôn"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm bà Mai Thị T làm đơn khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ cư trú tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên toà: Các đương sự đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt các đương sự là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị T và ông Nguyễn Văn Đ đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/7/1998 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 01/02/2002, cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 17/03/1999.

Sau một thời gian chung sống, bà Mai Thị T và ông Nguyễn Văn Đ đều thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Hiện nay bà T và ông Đ không còn chung sống với nhau và vợ chồng cũng không thể chung sống với nhau được nữa, hiện tại vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt

được, bà Mai Thị T xác định đã hết tình cảm nên xin ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Kết quả xác minh, chính quyền địa phương cung cấp: Mặc dù chính quyền địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà Mai Thị T và ông Nguyễn Văn Đ, vì ông bà không khai báo với chính quyền địa phương. Tuy nhiên, chính quyền địa phương xác định thời gian gần đây bà Mai Thị T và ông Nguyễn Văn Đ thường xuyên cãi vã nhau và bà T đã chuyển đi nơi khác sinh sống, không còn chung sống với ông Đ nữa.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định:

"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được."

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Mai Thị T và ông Nguyễn Văn Đ đã đến mức trầm trọng, bà Mai Thị T xác định tình cảm không còn và đã bỏ nhà đi không còn chung sống với ông Đ nữa và kiên quyết xin ly hôn.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Mai Thị T và ông Nguyễn Văn Đ không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà Mai Thị T, cho bà Mai Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Mai Thị T và ông Nguyễn Văn Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 01/02/2002, cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 17/03/1999, hiện nay các cháu đã trên 18 tuổi, các cháu tự quyết định cuộc sống riêng của mình, HĐXX không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Mai Thị T và ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập xem xét.

[4] Về án phí: Bà Mai Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp, HĐXX cần chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Mai Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 01/02/2002, cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 17/03/1999. Hiện nay đã trên 18 tuổi, HĐXX không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Mai Thị T và ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Mai Thị T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0006739 ngày 17/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đăk Lăk.

Nguyên đơn bà Mai Thị T, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND huyện Krông Pắc;*
- *VKSND huyện Krông Pắc;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *THADS huyện Krông Pắc;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã E;*
- *……;*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Chu Anh Hùng